

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **13** /2020/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **22** tháng **6** năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng  
quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày **02/7/2020** và thay thế Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Các nội dung công việc liên quan đến việc quản lý, khai thác và sử dụng đất công đang thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- VPCP;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; các Phòng, Trung tâm thuộc VP;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, NN. **es**



**Trần Anh Dũng**

## QUY CHẾ

**Quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **13** /2020/QĐ-UBND  
ngày **22/6/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Quy chế này không áp dụng đối với các cơ sở nhà, đất đã có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
- Các Sở, Ban ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### Điều 3. Quỹ đất công

Quỹ đất công nêu trong quy chế này bao gồm các loại đất sau:

1. Đất sử dụng vào mục đích công trình công cộng, gồm: Đất công trình đường giao thông, cầu, cống, vỉa hè; hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước; hệ thống công trình thủy lợi, đê, đập; quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm; đất xây dựng các công trình công cộng khác; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; đất sông, kênh, rạch; đất rừng phòng hộ.

2. Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, gồm: Đất trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; đất xây dựng các công trình sự nghiệp thuộc các ngành và lĩnh vực về kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, ngoại giao và các công trình sự nghiệp khác.

3. Quỹ đất nông nghiệp, phi nông nghiệp chưa giao, cho thuê do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý (gọi tắt là đất công ích).

4. Đất đã bồi thường: Cơ quan Nhà nước đã nhận chuyển nhượng, đã bồi thường, giải phóng mặt bằng để chuẩn bị đầu tư xây dựng các công trình công cộng, trụ sở cơ quan hoặc kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; các

phần đất còn lại của thửa đất sau thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng (sau đây gọi là đất bìa chéo) đã được bồi thường theo đề nghị của người sử dụng đất nhưng nằm ngoài ranh giới của dự án, công trình.

5. Đất thu hồi theo quy định tại Khoản 1, Điều 64 và các Điều a, b, c và d Khoản 1, Điều 65 của Luật Đất đai ngày 29/11/2013; đất do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trả lại đất để Nhà nước xây dựng các công trình phục vụ lợi ích công cộng.

6. Đất dôi dư chưa được Nhà nước thu hồi: Do không còn nhu cầu sử dụng hoặc sắp xếp lại dôi dư gồm đất trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, đất thể dục thể thao, đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất công trình công cộng, đất chuyên dùng khác.

7. Đất bãi bồi ven sông, ven biển bao gồm đất bãi bồi ven sông, đất cù lao trên sông, đất bãi bồi ven biển và đất cù lao trên biển.

8. Đất chưa sử dụng: Gồm các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng theo quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013.

**Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cơ sở tôn giáo sử dụng đất thuộc trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất**

1. Trường hợp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất

a) Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất và tuân theo các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp được giao đất, cho thuê đất để làm chủ đầu tư, ngay khi bàn giao công trình, dự án cho tổ chức, đơn vị khác sử dụng thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) quá trình sử dụng đất, đồng thời trả lại đất đã được giao đất, cho thuê để Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi theo quy định.

2. Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kê khai đăng ký đất đai; làm đầy đủ thủ tục xin giao đất, thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với trường hợp chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất.

**Điều 5. Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất, đất được giao để quản lý**

1. Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất:

a) Người đứng đầu của cơ quan, đơn vị, tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để sử dụng.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích; đất phi nông nghiệp được giao để sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân, các công trình công cộng phục vụ hoạt động

văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí, chợ, nghĩa trang, nghĩa địa và công trình công cộng khác của địa phương.

c) Người đại diện cho cộng đồng dân cư là trưởng khóm, ấp, tổ dân phố hoặc người được cộng đồng dân cư thỏa thuận cử ra đối với việc sử dụng đất đã giao, công nhận cho cộng đồng dân cư.

d) Người đứng đầu cơ sở tôn giáo đối với việc sử dụng đất đã giao cho cơ sở tôn giáo.

đ) Người sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

2. Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với đất được giao để quản lý:

a) Tổ chức được giao quản lý công trình công cộng, gồm: Công trình đường giao thông, cầu, cống, vỉa hè, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống công trình thủy lợi, đê, đập; quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm;

b) Tổ chức được giao quản lý đất có mặt nước của các sông và đất có mặt nước chuyên dùng;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm phát triển quỹ đất được giao quản lý quỹ đất đã thu hồi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm đối với việc quản lý đất sử dụng vào mục đích công cộng được giao để quản lý, đất chưa giao, đất chưa cho thuê tại địa phương.

đ) Người đại diện cho cộng đồng dân cư là người chịu trách nhiệm đối với đất được giao cho cộng đồng dân cư quản lý.

### **Điều 6. Đăng ký đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý**

1. Người đang quản lý đất công theo quy định tại Điều 3 Quy chế này mà chưa đăng ký có trách nhiệm lập hồ sơ đăng ký đất đai. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai hướng dẫn thủ tục và kiểm tra hiện trạng sử dụng đất; cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất để quản lý thì Văn phòng đăng ký đất đai căn cứ vào quyết định giao đất quản lý để cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

### **Điều 7. Các vi phạm, nghiêm cấm trong quản lý đất công**

1. Những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 Luật Đất đai ngày 29/11/2013.

2. Tự ý cho mượn, cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển mục đích sử dụng đất và sử dụng quỹ đất công trái quy định của pháp luật.

3. Cố ý xác nhận sai nguồn gốc đất thuộc quỹ đất công, nhằm hợp thức hóa giao đất cho các đối tượng khác; cho thuê quỹ đất công không đúng quy định của pháp luật về đất đai.

4. Hoán đổi quỹ đất công cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.
5. Tự ý xây dựng công trình, nhà ở, lán trại trên quỹ đất công ích.
6. Lập nghĩa trang, nghĩa địa trái với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
7. Giao đất, cho thuê quỹ đất công không đúng thẩm quyền và không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.
8. Không được tiến hành thực hiện dự án và xây dựng các công trình trên quỹ đất công khi chưa được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất. Trừ trường hợp được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản để xây dựng các công trình, dự án trọng điểm, cấp bách, thực hiện đầu tư xây dựng đảm bảo theo đúng tiến độ, sau đó tiến hành các thủ tục theo quy định.
9. Cơ quan, đơn vị, tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng hoặc để quản lý nhưng thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng đất để bị lấn, chiếm nhưng chưa xử lý, để kéo dài hoặc báo cáo không kịp thời.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ QUỸ ĐẤT CÔNG**

#### **Điều 8. Quản lý đất công trình công cộng; đất công ích; đất chưa sử dụng**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường; các phòng, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, đo đạc trên thực địa và hồ sơ địa chính để lập danh mục về vị trí, diện tích, loại đất, tình trạng sử dụng các loại đất bao gồm: Đất công trình công cộng; đất công ích; đất chưa sử dụng nêu tại Điều 3 Quy chế này làm cơ sở quản lý chặt chẽ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý hồ sơ liên quan đến đất công thuộc phạm vi quản lý và kê khai đăng ký đầy đủ các khu đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này. Khi thay đổi chức danh Chủ tịch UBND cấp xã hoặc công chức địa chính cấp xã, phải lập thủ tục bàn giao hồ sơ quỹ đất công từ người cũ sang người mới bằng văn bản.

3. Hồ sơ địa chính phải được cập nhật đầy đủ thông tin đối với các khu đất này. Khi có biến động về sử dụng đất thì Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Công chức địa chính cấp xã phải cập nhật kịp thời vào hồ sơ địa chính, gửi thông báo biến động và kê khai đăng ký theo quy định.

4. Đối với các khu vực chưa có hồ sơ địa chính hoặc có nhưng không đầy đủ để cập nhật, quản lý đất công, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, Phòng Tài nguyên và Môi trường thiết lập làm cơ sở để cấp xã quản lý.

giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã; Trung tâm Phát triển quỹ đất hoặc Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh quản lý.

4. Đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ đất được giao và đề xuất phương án sử dụng đất hoặc phương án khai thác hợp lý, hiệu quả; tránh để lãng phí đất đai:

a) Trung tâm Phát triển quỹ đất khi được giao đất theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì lập phương án khai thác có hiệu quả hoặc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã được giao đất đã bồi thường nhưng chưa sử dụng hoặc quỹ đất bìa chéo đã được bồi thường theo đề nghị của chủ sử dụng đất phải quản lý chặt chẽ tránh bị lấn, chiếm sau này.

c) Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh quản lý quỹ đất theo Khoản 1 Điều này, trong trường hợp quỹ đất nằm trong khu chức năng thuộc Khu Kinh tế Định An có trách nhiệm quản lý chặt chẽ và lập phương án kêu gọi đầu tư hoặc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

### **Chương III**

## **KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG QUỸ ĐẤT CÔNG**

### **Điều 11. Nguyên tắc khai thác và sử dụng quỹ đất công**

1. Có kế hoạch hoặc phương án khai thác sử dụng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

Đối với khu vực có đất mới hình thành, nền đất phải ổn định, không có nguy cơ bị sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng thiên tai, đe dọa tính mạng con người.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có kế hoạch đầu tư, khai hoang, phục hóa, cải tạo đất để đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

4. Khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư để đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất theo quy định.

6. Xử lý dứt điểm tình trạng lấn chiếm, tranh chấp trước khi giao đất cho các đối tượng khai thác, sử dụng.

### **Điều 12. Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất**

1. Sau khi Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo đơn vị đang quản lý đất công trên địa bàn (các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã) theo quy định tại Điều 3 Quy chế này lập Phương án đấu giá quyền sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân cấp

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức cắm mốc quản lý đất công trên địa bàn; tổng hợp danh mục quỹ đất công của Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, sử dụng và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, quản lý. Đồng thời, liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục giao đất để quản lý hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

### **Điều 9. Quản lý đất bãi bồi ven sông, ven biển**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc xác định, cắm mốc, phân ranh giới giữa đất bãi bồi ven sông, ven biển với các thửa đất giáp cận của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để tránh tình trạng tranh chấp, lấn chiếm và giao Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý ranh giới, mốc giới đã được xác định; lập, lưu trữ hồ sơ quản lý và xử lý vi phạm đối với các trường hợp bao chiếm sử dụng.

2. Đất bãi bồi ven sông, ven biển phải kê khai, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính để xác lập quyền quản lý của Nhà nước như sau:

a) Đất bãi bồi ven sông, ven biển chưa sử dụng thuộc địa phận xã, phường, thị trấn nào thì do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 141 Luật Đất đai ngày 29/11/2013, đồng thời có trách nhiệm rà soát, lập danh sách và hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình quản lý, khai thác quỹ đất chưa sử dụng quy định tại Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

b) Đối với các địa phương mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thể hiện nội dung sử dụng đất bãi bồi ven sông, ven biển thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức việc rà soát để điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/8/2014 của Chính phủ.

c) Đất bãi bồi ven sông, ven biển thường xuyên được bồi tụ hoặc bị sạt lở thì Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và bảo vệ. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm điều tra, khảo sát, theo dõi đánh giá quỹ đất bãi bồi ven sông, ven biển thường xuyên được bồi tụ hoặc sạt lở để có kế hoạch sử dụng phù hợp.

### **Điều 10. Quản lý, sử dụng đất dôi dư, đất đã thu hồi**

1. Thủ trưởng cơ quan hoặc chủ đầu tư dự án đang quản lý quỹ đất dôi dư, đất không còn nhu cầu sử dụng, đất đã bồi thường xong mà chưa sử dụng, đất bìa chéo đã được bồi thường, phải có trách nhiệm báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất hoặc Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh quản lý theo quy định.

Đơn vị đang quản lý đất theo quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm phối hợp với đơn vị liên quan cắm mốc quản lý chặt chẽ quỹ đất.

2. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và đề xuất



huyện phê duyệt; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất và phê duyệt các quyết định có liên quan theo quy định.

Trường hợp giá đất khởi điểm để đưa ra đấu giá có giá trị trên 20 tỷ (theo bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành) hoặc người trúng đấu giá quyền sử dụng đất là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập hợp hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh để phê duyệt.

2. Sau khi Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được phê duyệt và đề xuất việc đấu giá của đơn vị đang quản lý đất công (các đơn vị thuộc Sở, ngành tỉnh và Tổ chức phát triển quỹ đất); Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất lập Phương án đấu giá quyền sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Trình tự thủ tục thực hiện theo Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định về tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

### **Điều 13. Tạm khai thác quỹ đất công**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh được tạm khai thác sử dụng quỹ đất công do mình trực tiếp quản lý trong thời gian ngắn hạn (không quá 01 năm) với hình thức cho thuê khi chưa có kế hoạch hoặc phương án khai thác sử dụng quỹ đất công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh lập phương án tạm khai thác quỹ đất công theo quy định tại Khoản 1 Điều này trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt trước khi thực hiện.

3. Kinh phí thu được từ khai thác quỹ đất công được nộp vào ngân sách theo quy định.

### **Điều 14. Sử dụng quỹ đất công trình công cộng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp**

1. Đất công trình công cộng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp phải sử dụng đúng mục đích, ranh giới theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Việc sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch chuyên ngành đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng diện tích, ranh giới, mục đích đất đã được giao, được cho thuê.

### **Điều 15. Sử dụng đất bãi bồi ven sông, ven biển; đất sông, kênh, rạch**

1. Đất bãi bồi ven sông, ven biển; đất sông, kênh, rạch được khai thác, sử dụng theo đúng quy định hiện hành.

2. Đất bãi bồi ven sông, ven biển; đất sông, kênh, rạch mới được bồi đắp tiếp giáp với đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để kiểm tra xác định ranh giới, mốc giới, quản lý phần đất bồi đắp tránh bị lấn chiếm.

### **Điều 16. Sử dụng quỹ đất thu hồi**

1. Đối với quỹ đất thu hồi theo quy định tại Khoản 1, Điều 64 và các Điểm a, b, c, d, Khoản 1, Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 thuộc khu vực nông thôn đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án sử dụng đất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định. Quỹ đất này được giao, cho thuê đối với hộ gia đình, cá nhân không có đất hoặc thiếu đất sản xuất theo quy định của pháp luật.

2. Đối với quỹ đất thu hồi theo quy định tại Khoản 1, Điều 64 và các Điểm a, b, c, d, Khoản 1, Điều 65 của Luật Đất đai năm 2013 giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý, lập phương án khai thác trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

## **Chương IV**

### **THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 17. Trách nhiệm kiểm tra quỹ đất công**

1. Công chức địa chính cấp xã có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra hiện trạng, ranh giới, tình trạng sử dụng quỹ đất công để phát hiện kịp thời những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng đất không đúng mục đích.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý quỹ đất công theo Quy chế này tại địa phương; chỉ đạo Công chức địa chính, các ban ngành, đoàn thể, Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm kiểm tra phát hiện các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng đất công và có biện pháp xử lý kịp thời theo thẩm quyền.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra thường xuyên; chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Cơ quan Thanh tra cấp huyện tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc quản lý, sử dụng quỹ đất công và xem đây là công tác quan trọng trong việc quản lý đất đai.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo thanh tra, kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất quỹ đất công do các tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

## **Điều 18. Xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng quỹ đất công**

1. Khi phát hiện các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng đất công, Công chức địa chính cấp xã phải báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã các biện pháp cần thiết theo quy định để ngăn chặn và xử lý kịp thời. Trường hợp cần sự phối hợp, hỗ trợ về kỹ thuật, chuyên môn thì báo cáo, đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khi phát hiện vi phạm hoặc được báo cáo có vi phạm thì phải tổ chức việc kiểm tra, lập biên bản, ra quyết định đình chỉ hành vi vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định. Trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý.

3. Người vi phạm nếu có hành vi không chấp hành, thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

4. Trường hợp người thuê đất công ích sử dụng không đúng mục đích, không theo hợp đồng đã ký kết thì Ủy ban nhân dân cấp xã chấm dứt hợp đồng thuê đất, khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật (nếu có).

5. Trường hợp cho thuê đất không đúng đối tượng, không đúng mục đích sử dụng của quỹ đất công; quản lý đất công nhưng để bị lấn, chiếm mà không xử lý hoặc báo cáo kịp thời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật.

6. Thủ trưởng các Cơ quan, đơn vị, tổ chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất mà không sử dụng đúng ranh giới thửa đất để bị lấn, chiếm thì phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

## **Điều 19. Quản lý đất công đã bị lấn, chiếm**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý chặt chẽ và giữ nguyên hiện trạng các khu đất đang bị lấn chiếm, tranh chấp, không để tình trạng người sử dụng đất giáp cận tự coi nới, xây dựng, đòi ranh lấn chiếm thêm đất.

2. Không được xem xét giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hiện trạng đối với các khu đất chưa giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm.

## **Điều 20. Xử lý tình trạng đất công đã bị lấn, chiếm**

1. Đối với các khu đất lấn, chiếm sử dụng với diện tích nhỏ lẻ nếu người sử dụng đất đang sử dụng đúng quy hoạch đất ở, nền đất ổn định, không có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không tranh chấp và Nhà nước không còn nhu cầu sử dụng thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét xử lý theo đúng quy định của pháp luật về đất đai hiện hành.

2. Đối với các thửa đất bị lấn, bị chiếm, sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014, thì xác minh đề xuất giải quyết theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

3. Đối với các thửa đất bị lấn, bị chiếm sau ngày 01/7/2014, thì xác minh đề xuất giải quyết theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành. Nghiêm cấm các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận các giấy tờ, thủ tục nhằm hợp thức hóa quyền sử dụng đất cho các đối tượng đã lấn, chiếm đất công.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức điều tra, khảo sát hiện trạng để xây dựng các phương án di dời, giải phóng mặt bằng đối với từng thửa đất cụ thể đã bị lấn, chiếm theo quy định.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên Môi trường**

1. Triển khai và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện theo đúng Quy chế này.

2. Thường xuyên tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, sử dụng đất công cho Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Hàng năm, xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh.

4. Đôn đốc, hướng dẫn cho các địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý lập thủ tục giao đất, thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật bằng nhiều hình thức phù hợp, đến từng đối tượng quản lý, sử dụng đất.

6. Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí cho các hoạt động rà soát, kiểm tra, kiểm kê quỹ đất công từ nguồn ngân sách Nhà nước theo quy định.

7. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai; Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện nhiệm vụ sau:

a) Văn phòng Đăng ký đất đai phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kê khai, lập danh sách, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính các thửa đất công tại địa phương; chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định.

b) Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý chặt chẽ quỹ đất công được giao; hàng năm tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê

duyet phuong an khai thac dat cong (tat ca cac khu dat theo quy dinh tai Dieu 3 Quyét dinh nay nhung chua giao, cho thuê để sử dụng).

## **Điều 22. Trách nhiệm của các Sở, Ban ngành tỉnh**

### **1. Sở Tài chính:**

a) Hướng dẫn quản lý, sử dụng và kiểm tra nguồn thu từ quỹ đất công theo chế độ tài chính hiện hành.

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí bố trí cho các hoạt động rà soát, kiểm tra, kiểm kê quỹ đất công được cân đối, bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cân đối nguồn ngân sách của tỉnh hàng năm, đảm bảo nguồn kinh phí kịp thời đáp ứng cho công tác rà soát, kiểm tra, kiểm kê quỹ đất công.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường năm, theo dõi các thửa đất công do Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý, căn cứ quy hoạch sử dụng đất, xây dựng các dự án kêu gọi đầu tư để khai thác có hiệu quả quỹ đất công.

3. Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật đất đai liên quan đến việc quản lý, sử dụng quỹ đất công trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phù hợp khác.

4. Thanh tra tỉnh tăng cường công tác thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai; hàng năm có kế hoạch thanh tra, kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng đất công để chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong công tác quản lý, sử dụng đất công, các trường hợp không đăng ký đất đai (lần đầu)

5. Sở Giao thông vận tải hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý cầu đường bộ thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hành lang an toàn đường bộ đối với các công trình được phân cấp quản lý, các phần đất tạm mượn, đôi dư khi thực hiện công trình.

6. Sở Xây dựng kiểm tra các dự án đã giao quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội mà Chủ đầu tư không thực hiện, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi giao về địa phương tiếp tục thực hiện quản lý hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất để quản lý và có kế hoạch đưa vào sử dụng.

### **7. Các Sở, Ban ngành tỉnh có liên quan**

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khi được giao làm Chủ đầu tư dự án cần phải lập thủ tục đất đai để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi tiến hành đầu tư xây dựng.

c) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc rà soát báo cáo việc quản lý, sử dụng đất, lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với diện tích đất dôi dư chưa được Nhà nước thu hồi do không còn nhu cầu sử dụng hoặc sắp xếp lại dôi dư thì phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi theo quy định, tránh tình trạng để bị lấn, chiếm, cho mượn, cho thuê trái pháp luật.

d) Đối với diện tích đất chưa đưa vào khai thác, sử dụng thì phải có kế hoạch đưa đất vào khai thác, sử dụng đúng mục đích tránh tình trạng để bị lấn, chiếm, cho mượn, cho thuê trái pháp luật.

đ) Các Sở, ngành tỉnh làm chủ đầu tư xây dựng công trình, dự án có sử dụng đất, ngay khi hoàn thành bàn giao công trình, dự án cho Đơn vị sử dụng thì phải lập thủ tục trả lại đất theo quy định, đồng thời hướng dẫn Đơn vị tiếp nhận sử dụng liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để lập thủ tục xin giao đất, cho thuê đất theo quy định hiện hành.

### **Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp để xảy ra lấn, chiếm đất công nhưng xử lý không kịp thời.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai đồng bộ việc tổ chức đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới các khu đất đang quản lý, sử dụng và phải thường xuyên theo dõi các cọc mốc; tổng hợp danh mục quỹ đất công và lập hồ sơ địa chính để quản lý. Trường hợp còn để xảy ra tranh chấp, bị lấn, bị chiếm thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Xây dựng kế hoạch giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất công. Lập phương án khai thác ngay các khu đất còn bỏ trống, chưa sử dụng.

4. Theo dõi, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức và đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng đất trên địa bàn lập thủ tục giao đất, thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

5. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cần phải thực hiện các thủ tục để xác định tính pháp lý của thửa đất đưa ra đấu giá, thực hiện đúng trình tự, thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất. Hàng năm báo cáo kết quả đấu giá quyền sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo theo quy định.

6. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc trước khi thực hiện đầu tư xây dựng công trình phải lập thủ tục để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định.

7. Chỉ đạo UBND cấp xã thanh lý, hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng cho thuê đất quá thời hạn, không đúng quy định, sử dụng đất không đúng mục đích, để bị lấn, chiếm đất. Lập phương án sử dụng đất đối với các khu đất chưa sử dụng. Đồng thời chỉ đạo việc cho thuê quỹ đất công ích đảm bảo công khai minh bạch, đúng đối tượng; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hạn chế bỏ hoang hoá, bị lấn, chiếm.

8. Các trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã đã cho các tổ chức, các đoàn thể hoặc các hộ gia đình, cá nhân thuê, mượn đất không đúng quy định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu các tổ chức,

hộ gia đình, cá nhân trả lại đất để thực hiện việc quản lý, cho thuê đất theo đúng quy định.

9. Rà soát lại quỹ đất sông, kênh, rạch; đất ao, đất mặt nước chuyên dùng để tiến hành quản lý chặt chẽ, cấm mọi hành vi lấn chiếm. Trường hợp xảy ra lấn chiếm thì buộc chủ sử dụng đất phải trả lại đất đã lấn, chiếm, đồng thời khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

10. Hàng năm có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất công trên địa bàn cấp huyện (về việc cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất và việc quản lý, sử dụng kinh phí cho thuê; việc xây dựng công trình, chuyển mục đích sử dụng, lấn chiếm trái phép, làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm và để xảy ra vi phạm...); chỉ đạo kiên quyết xử lý các trường hợp mới lấn chiếm, tái chiếm đất công trái phép; lập hồ sơ xử lý vi phạm đối với từng trường hợp theo quy định, tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

11. Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư xây dựng công trình, dự án có sử dụng đất, khi hoàn thành bàn giao công trình, dự án cho Đơn vị sử dụng thì phải lập thủ tục trả lại đất theo quy định, đồng thời hướng dẫn Đơn vị tiếp nhận sử dụng liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để lập thủ tục xin giao đất, cho thuê đất theo quy định hiện hành.

#### **Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng quỹ đất công đã giao cho UBND cấp xã quản lý nhưng để lấn, chiếm mà chậm xử lý hoặc chậm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc rà soát, kiểm tra trên thực địa và hồ sơ địa chính để cập nhật, bổ sung danh mục đất công về vị trí, diện tích, loại đất, tình trạng sử dụng quỹ đất công ích, cắm mốc ranh giới các khu đất công với đất của chủ sử dụng đất liền kề; kê khai, đăng ký vào hồ địa chính để quản lý theo quy định. Đề xuất phương án, kế hoạch khai thác, sử dụng đất công hợp lý, hiệu quả tránh tình trạng bỏ hoang gây lãng phí.

3. Tăng cường lực lượng và có kế hoạch thường xuyên kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất công, xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng không phép, không đúng mục đích sử dụng đất, các hành vi vi phạm lấn, chiếm đất quỹ đất công theo quy định.

4. Niêm yết công khai danh sách kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước các khu đất công tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà sinh hoạt cộng đồng tại ấp/khóm (nơi có đất) để Nhân dân biết, giám sát, nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp lấn chiếm.

5. Rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện việc cho thuê đất công thuộc địa bàn quản lý. Thanh lý, chấm dứt hợp đồng cho thuê đất công ích đối với các trường hợp trái Quy chế này và việc hộ gia đình, cá nhân tự ý xây dựng nhà, công

trình trái phép trên đất, sử dụng đất không đúng mục đích và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật đất đai.

### **Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng quỹ đất công**

1. Sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, thời hạn sử dụng đất, bảo vệ đất, bảo vệ môi trường, không để bị lấn chiếm, thất thoát, sử dụng đất có hiệu quả và phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với các vi phạm có liên quan đến quản lý, sử dụng quỹ đất công. Đồng thời chấp hành việc thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cắm mốc giới đối với các khu đất công, không tự ý lấn chiếm đất công, trường hợp đang tranh chấp về quyền sử dụng đất công thì phải phối hợp với các cơ quan để giải quyết, nhằm xác định chủ sử dụng đất, đồng thời báo cáo với chính quyền địa phương các trường hợp lấn, chiếm đất công.

3. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp định kỳ hàng năm báo cáo tình hình quản lý, sử dụng đất cho cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính để quản lý thống nhất.

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân thuê đất công ích có trách nhiệm:

a) Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất được thuê, bảo vệ đất, bảo vệ môi trường và không được làm tổn hại đến quyền và lợi ích chính đáng của người sử dụng đất xung quanh.

b) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng thuê đất đã ký.

c) Không được cho thuê lại quyền sử dụng đất, khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

d) Thanh lý hợp đồng thuê đất; trả lại đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý sau khi hết thời hạn thuê đất hoặc khi nhà nước thu hồi để sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 26. Chế độ báo cáo**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện báo cáo kết quả tình hình quản lý, sử dụng đất công định kỳ năm 2 lần (lần 1 trước 15/5; lần 2 trước 15/10) gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo kết quả tình hình quản lý, sử dụng đất công định kỳ năm 2 lần (lần 1 trước 20/5; lần 2 trước 20/10) gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện Quy chế này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân



dân tỉnh định kỳ năm 2 lần (lần 1 trước 30/5; lần 2 trước 30/10) hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 27. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn vướng mắc, các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Dũng**

